SỞ GDĐT ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THCS&THPT SÍN CHẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /BC-THCSTHPTSC

Sín chải, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Thông tư 09/2014/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1934/SGDĐT-GDMT, ngày 17/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Thông tư số 09/2024/TT BGDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS&THPT Sín Chải báo cáo thường niên về việc công khai trong trường học theo 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS&THPT SÍN CHẢI

2. Địa chỉ: thôn Tả Sìn Thàng, xã Sín Chải, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 02156.518.518
- Địa chỉ thư điện tử: thcsvathpttasinthang@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: http://thpttasinthang.dienbien.edu.vn

3. Loại hình tổ chức: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng của trường THCS&THPT Sín Chải

- Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn.

- Đội ngũ vừa hồng vừa chuyên để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo; tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực vốn có.

- Hướng tới hoàn thành sứ mệnh "Công dân toàn cầu là sản phẩm của chúng tôi".

- Phong cách văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc; phong cách giao tiếp và truyền đạt mới mẻ là nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

b) Tầm nhìn của trường THCS&THPT Sín Chải

Đến năm 2030 trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, giáo dục ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt

và hạnh phúc.

c) Giá trị cốt lõi

- Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Hòa nhập, dũng cảm, đam mê, thích ứng.

d) Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Tinh thần, trách nhiệm
- Sáng tạo đổi mới
- Hợp tác, chia sẻ
- Đoàn kết, dân chủ
- Kỷ cương, nền nếp
- Truyền thống, hội nhập.

e) Mục tiêu của trường THCS&THPT Sín Chải

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường THPT Tả Sìn Thàng được thành lập từ năm 2008 theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 4/1/2008 của Ủy ban nhân tỉnh Điện Biên. Để đảm bảo quy mô phát triển của nhà trường ngày 20/4/2012 Trường THPT Tả Sìn Thàng và trường THCS Tả Sìn Thàng sáp nhập thành trường liên cấp THCS và THPT Tả Sìn Thàng theo QĐ số 268/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên.

- Năm 2019, nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

- Năm 2025, nhà trường đổi tên thành trường THCS và THPT Sín Chải theo quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 29/08/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên;

- Trường hiện nay có 02 khu nhà lớp học với 13 phòng học và 05 phòng học chức năng; 01 dãy nhà hiệu bộ; 07 dãy nhà nội trú với 45 phòng ở. Trường có diện tích 12.800m^2, tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên là 42 người, có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

- Năm học 2025-2026, nhà trường có: 19 lớp, trong đó khối 6: 03 lớp; khối 7: 03 lớp, khối 8: 02 lớp, khối 9: 02 lớp, khối 10: 03 lớp, khối 11: 03 lớp, khối 12: 03 lớp với tổng số 825 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Hoàng Thị Dung
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Tổ 7, phường Điện Biên Phủ, Điện Biên.
- Điện thoại: 0982884381
- Địa chỉ thư điện tử: dung84.tst@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục.

Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của Ủy ban nhân tỉnh Điện

Biên về việc thành lập trường THPT Tả Sìn Thàng.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục.

- Quyết định số 1357/QĐ-SGDĐT ngày 21/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Bổ nhiệm bà Hoàng Thị Dung - Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tả Sìn Thàng huyện Tủa Chùa, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Sín Chải trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 01/7/2025 (theo Quyết định số 877/QĐ-SGDĐT ngày 28/6/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm viên chức).

- Quyết định số 1291/QĐ-SGDĐT, ngày 16/9/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, về việc Bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Hưng - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tả Sìn Thàng huyện Tủa Chùa, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Sín Chải trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 05/5/2021 (theo Quyết định số 1861/QĐ-SGDĐT ngày 28/4/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức).d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

- Họ và tên: Hoàng Thị Dung
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Tổ 7, phường Điện Biên Phủ, Điện Biên
- Điện thoại: 0982884381
- Địa chỉ thư điện tử: dung84.tst@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển nhà trường: KH số 425/KH-TST ngày 14/09/2021 Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2030.

- Quy chế dân chủ của nhà trường: Quyết định số: 469/QĐ-THCS&THPTSC ngày 14/10/2025 của trường THCS và THPT Sín Chải về việc Ban hành quy chế dân chủ năm học 2025-2026. Quy chế được ban hành trên cơ sở Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

- Các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính

TT	Số hiệu văn bản THCS&THPTSC	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	380/QC-THCS&THPTSC	19/09/2025	Quy chế chuyên môn năm học 2025-2026
2	381/QC-THCS&THPTSC	19/09/2025	Quy chế sử dụng, bảo quản hồ sơ điện tử 25-26

3	386/QĐ-THCS&THPTSC	20/09/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của trường THCS&THPT Sín Chải năm học 2025-2026
4	388/QĐ-THCS&THPTSC	22/09/2025	Quyết định kèm theo quy chế hoạt động của Ban quản lý HS bán trú 25-26
5	434/QĐ-THCS&THPTSC	02/10/2025	Quyết định kèm theo quy chế đánh giá xếp loại VC-NLĐ năm học 25-26
6	467/QC-THCS&THPTSC	14/10/2025	Quy chế làm việc của cơ quan năm học 25-26
7	468/QC-THCS&THPTSC	14/10/2025	Quy chế làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng năm học 25-26
8	469/QC-THCS&THPTSC	14/10/2025	Quy chế dân chủ cơ sở năm học 25-26
9	470/QC-THCS&THPTSC	14/10/2025	Quy chế thi đua khen thưởng năm học 2025-2026
10	471/QC-THCS&THPTSC	14/10/2025	Quy chế văn hóa công sở năm học 25-26
11	12/QC-THCS&THPTSC	10/01/2026	Quy chế Thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị trường THCS&THPT Sín Chải năm 2026

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024 (Năm trước liền kề năm báo cáo)
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư**	
II	**Thu giáo dục và đào tạo**	**13.329.292.734**
1	Học phí, lệ phí từ người học	75.935.000
2	Hợp đồng, tài trợ từ ngân sách nhà nước	12.856.807.734
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	
4	Thu khác	396.550.000
III	**Thu khoa học và công nghệ**	
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	
2	Hợp đông, tài trợ từ bên ngoài	
3	Thu khác - hoạt động chuyển giao công nghệ	
IV	**Thu khác (thu nhập ròng)**	
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**12.856.807.734**

I	**Chi lương, thu nhập**	**6.904.709.960**
1	Chi lương, thu nhập của giáo viên	6.616.043.398
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác (GVHĐ)	288.666.562
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**911.316.424**
1	Chi cho đào tạo	18.340.000
2	Chi cho nghiên cứu	
3	Chi cho phát triên đội ngũ	
4	Chi phí chung và chi khác	892.976.424
III	**Chi hỗ trợ người học**	**5.040.781.350**
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	5.040.781.350
2	Chi hoạt động nghiên cứu	
3	Chi hoạt động khác	
IV	**Chi khác**	
C	**CHÊNH LỆCH THU CHI**	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển:

TT	Chỉ số thống kê	Học phí/1 HS/năm năm học 2025-2026	Dự kiến Học phí/1HS của cả khóa học
I	**Học phí học sinh THPT vùng cao**	0 đồng/năm	
1	Học sinh hộ nghèo, khuyết tật	0 đồng/năm-	-
2	Học sinh cận nghèo	0 đồng/năm	
3	Học sinh THPT dân tộc thôn bản ĐBKK	0 đồng/năm	
II	**Tiền gửi xe đạp, xe máy**		
1	Xe đạp	0 đồng/năm	
2	Xe máy	0 đồng/năm	
III	**Tiền vệ sinh, nước uống**		
1	Tiền nước uống	0 đồng/năm	
2	Tiền vệ sinh	80.000 đồng/năm	
IV	**Tiền dạy thêm, học thêm**		
1	Tiền bồi dưỡng kiến thức	0 đồng/năm	
2	Tiền ôn thi TN	0 đồng/năm	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học

a) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp (66)

Trường THCS&THPT Sín Chải là trường công lập, nên theo quy định, trường hoàn thiện hồ sơ và trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt danh sách học sinh thuộc

diện chính sách hưởng trợ cấp và học sinh sẽ nhận trợ cấp tại trường. Trong năm học 2025-2026, nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt cho:

- Hỗ trợ tiền ăn cho 578 học sinh: 4.869.072.000 đồng
- Hỗ trợ tiền nhà ở cho 44 học sinh: 142.560.000 đồng
- Hỗ trợ gạo cho 578 học sinh: 78.030 tấn

b) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về miễn giảm học phí, học bổng đối với người học: theo NĐ 238/2025 của CP.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Nhà trường không trích lập quỹ.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Hàng năm, Trường thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính: Thực hiện báo cáo nghiêm túc với Cơ quan quản lý thuế; chấp hành các loại thuế đối với nhà nước như thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập cá nhân ...

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

TT	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ đào tạo			
			TC	CĐ	ĐH	Ths
1	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**	02	0	0	02	0
	- Hiệu trưởng	01	0	0	01	0
	- Phó Hiệu trưởng	01	0	0	01	0
2	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**	**35**	**0**	**0**	**35**	**0**
	- Toán	06	0	0	06	0
	- Vật lí	02	0	0	02	0
	- Hóa học	03	0	0	03	0
	- Sinh	02	0	0	02	0
	- Tin	01	0	0	01	0
	- Ngữ văn	05	0	0	05	0
	- Lịch sử	02	0	0	02	0
	- Địa lí	02	0	0	02	0
	- Tiếng anh	03	0	0	03	0
	- GDCD (GDKT&PL)	02	0	0	02	0
	- Công nghệ	01	0	0	01	0
	- GDTC	03	0	0	03	0
	- GDQP-AN	01	0	0	01	0
	- Âm nhạc	01	0	0	01	0

TT	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ đào tạo			
			TC	CĐ	ĐH	Ths
	- Mĩ thuật	01	0	0	01	0
	- Thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0
	- Giáo vụ	0	0	0	0	0
	- Tư vấn học sinh	0	0	0	0	0
	- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0
3	**Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung**	**03**	0	03	**0**	0
	- Thư viện	0	0	0	0	0
	- Chuyên viên về quản trị công sở	0	0	0	0	0
	- Kế toán viên	01	0	01	0	0
	- Cán sự thủ quỹ	01	0	01	0	0
	- Văn thư viện trung cấp	0	0	0	0	0
	- Y tế học đường	01	01	0	0	0
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**08**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Nhân viên Bảo vệ	02	0	0	0	0
2	Nhân viên Phục vụ	0	0	0	0	0
3	Nhân viên nấu ăn	06 (HĐ)	0	0	0	0

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lí	02	100%
2	Giáo viên	35	100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lí	02	100%
2	Giáo viên	35	100%
3	Nhân viên	08	100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Diện tích đất xây dựng trường: 12.800 m^2.
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 19,51 m^2.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Khối phòng hành chính quản trị	08	Phòng làm việc BGH, kế toán, thủ quỹ, công đoàn; phòng chờ giáo viên; hội họp	Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên	260
2	Phòng học	13	Học lí thuyết	Học sinh	722
3	Phòng Tin học	01	Học thực hành	Học sinh	55,5
4	Phòng Tiếng anh	01	Học thực hành	Học sinh	55,5
5	Phòng thực hành Sinh học, Hóa học	01	Học thực hành	Học sinh	55,5
6	Phòng thực hành Vật lí, Công nghệ	01	Học thực hành	Học sinh	55,5
7	Phòng thư viện	01	Phòng chứa SGK, phòng đọc	Giáo viên, học sinh	84
8	Phòng sinh hoạt tổ chuyên môn	03	Sinh hoạt tổ, nhóm	Giáo viên	76,5
9	Khu nội trú	45	Phòng ở học sinh	Học sinh	800
10	Nhà ăn	01	Tổ chức ăn cơm	Học sinh	73,5
11	Bếp ăn	01	Chế biến thức ăn	Nhân viên	49
12	Sân khấu	01	Hoạt động chung	Giáo viên, học sinh	70
13	Nhà công vụ giáo viên	4	Phòng ở giáo viên	Giáo viên, nhân viên	555
14	Nhà bảo vệ	01	Nơi trực bảo vệ	Bảo vệ	9
15	Nhà vệ sinh nam nội trú	13	Vệ sinh	Học sinh	45
16	Nhà vệ sinh nữ nội trú	8	Vệ sinh	Học sinh	55
17	Nhà tắm nữ	5	Tắm	Học sinh	45
18	Nhà để xe giáo viên	01	Để xe	Giáo viên, nhân viên	35
19	Nhà để xe học sinh	01	Để xe	Học sinh	85
20	Bể nước phòng cháy	01	Chứa nước PCCC	Giáo viên	30
21	Sân chơi, TDTT	01	Hoạt động ngoài trời	Học sinh, giáo viên	1.488
22	Sân nội trú	01	Hoạt động ngoài trời	Học sinh, giáo viên	72

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
23	Đường nội bộ	03	Đi nội bộ	Giáo viên, học sinh	200
24	Bể nước nội trú	03	Chứa nước sinh hoạt	Học sinh	80

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	07	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	1	0.5 bộ/lớp
2	Khối lớp 7	1	0.5 bộ/lớp
3	Khối lớp 8	1	0.5 bộ/lớp
4	Khối lớp 9	1	0.5 bộ/lớp
5	Khối lớp 10	1	0.33 bộ/lớp
6	Khối lớp 11	1	0.33 bộ/lớp
7	Khối lớp 12	1	0.33 bộ/lớp
8	Khu vườn sinh vật, địa lí (diện tích/thiết bị)	0	-

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa lớp 6 dùng cho năm học 2025-2026 gồm:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1.	Ngữ văn 6 Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
	Ngữ văn 6 Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đặng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
2.	Toán 6 Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
	Toán 6 Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống

3.	Tiếng Anh 6 Tập Một	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
	Tiếng Anh 6 Tập Hai	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
4.	Giáo dục công dân 6	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
5.	Khoa học tự nhiên 6	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
6.	Lịch sử và Địa lí 6	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
7.	Tin học 6	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
8.	Công nghệ 6	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
9.	Âm nhạc 6	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
10.	Mĩ thuật 6	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chỉnh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống

11.	Giáo dục thể chất 6	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bính, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
12.	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống

Danh mục sách giáo khoa lớp 7 dùng cho năm học 2025-2026 gồm:

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1.	Ngữ văn 7, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn 7, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2.	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3.	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4.	Giáo dục công dân 7 (Kết nối tri	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

	thức với cuộc sống)	Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.		
5.	Toán 7, Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 7, Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6.	KHTN 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) Mai Văn Hưng – Lê Kim Long – Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyến.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8.	Giáo dục thể chất 7: (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9.	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10.	Công nghệ 7: (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên) Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11.	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

	cuộc sống)			
12.	Mĩ Thuật 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục sách giáo khoa lớp 8 dùng cho năm học 2025-2026 gồm:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 8, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị	Giáo dục Việt Nam

		Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyến, Nguyễn Văn Vịnh.	
6	Lịch sử và Địa lí 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trịnh, Vũ Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 9 dùng cho năm học 2025-2026 gồm:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Giáo dục Việt Nam

	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Giáo dục Việt Nam
2.	Toán 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam
4.	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trầm.	Giáo dục Việt Nam
5.	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
6.	Khoa học tự nhiên 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Giáo dục Việt Nam
7.	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
8.	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
9.	Mỹ thuật 9	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Giáo dục Việt Nam

	Kết nối tri thức với cuộc sống		
10.	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Giáo dục Việt Nam
11.	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh, Phạm Khánh Tùng.	Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 10 dùng cho năm học 2025-2026 gồm:

Môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Toán; Ngữ văn; Tiếng Anh; Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục QP&AN; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; nội dung giáo dục địa phương (Dùng cho học sinh từ lớp 10A1 đến lớp 10A3)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Toán 10, Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
	Toán 10, Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn	

		Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	
2.	Ngữ văn 10, Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh. Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 10, Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong	Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Anh 10 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
4.	Lịch sử 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Nguyễn Nhật Linh, Phạm Văn Lợi, Vũ Văn Quân, Đặng Hồng Sơn, Phạm Văn Thủy, Trần Thị Vinh	Giáo dục Việt Nam
5.	Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Giáo dục Việt Nam
6.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu	Giáo dục Việt Nam
7.	Giáo dục quốc phòng an ninh 10	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Vũ Văn Ninh, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam

Các môn học lựa chọn gồm: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL), Công nghệ Thiết kế và công nghệ, Tin học, Mĩ thuật, Âm nhạc (Dùng cho các lớp cụ thể dưới đây)

Lớp	Môn	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản

10A1	Vật lí	Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ.	Giáo dục Việt Nam
10A1, 2,3	Hóa học	Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Lê Trọng Huyền, Vũ Anh Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
10A2	Sinh học	Sinh học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Thị Việt Hà, Đinh Đoàn Long, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Lai Thành	Giáo dục Việt Nam
10A2, 3	Địa lí	Địa lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh, Nguyễn Việt Khôi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo	Giáo dục Việt Nam
10A1. 10A3	GDKT-PL	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
10A1, 2	Tin học	Tin học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
10A3	Công nghệ	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên	Giáo dục Việt Nam

Chuyên đề học tập lựa chọn (Dùng cho các lớp cụ thể dưới đây)

Lớp	**Môn**	**Tên sách**	**Tên tác giả**	**Nhà xuất bản**
10A1, 10A2	Toán	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng	Giáo dục Việt Nam
10A1	Vật lí	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Báu (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải.	Giáo dục Việt Nam
10A1	Hóa học	Chuyên đề học tập Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Vũ Anh Tuấn	Giáo dục Việt Nam

10A2, 3	Ngữ văn	Chuyên đề học tập Ngữ Văn 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
10A2, 3	Lịch sử	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Vũ Thị Phụng	Giáo dục Việt Nam
10A3	Địa lí	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đặng Tiên Dung, Đào Ngọc Hùng	Giáo dục Việt Nam

(Danh sách có 06 đầu sách chuyên đề)

Danh mục sách giáo khoa lớp 11 dùng cho năm học 2025-2026 gồm:

Môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Toán; Ngữ văn; Tiếng Anh; Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục QP&AN; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; nội dung giáo dục địa phương (Dùng cho học sinh từ lớp 11A1 đến lớp 11A3)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Toán 11, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Toán 11, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	
2.	Ngữ văn 11, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 11, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị	Giáo dục Việt Nam

		Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
3.	Tiếng Anh 11 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
4.	Lịch sử 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Hoàng Hải Hà, Đào Tuấn Thành, Nguyễn Thị Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam
5.	Giáo dục thể chất - Bóng chuyền 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Giáo dục Việt Nam
6.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Dương Thị Thu Hà, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
7.	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Ngọc Bình, Doãn Xuân Hùng, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa, Thẩm Hoàng Tú.	Giáo dục Việt Nam

Các môn học lựa chọn gồm: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL), Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Thiết kế và công nghệ, Tin học, Mĩ thuật, Âm nhạc (Dùng cho các lớp cụ thể dưới đây)

Lớp	Môn	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
11A2	Vật lí	Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cương, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
11A1	Hóa học	Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Đăng Đạt, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	Giáo dục Việt Nam
11A2,3	Sinh học	Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thuý, Lê Thị Thủy	Giáo dục Việt Nam

11A3	Địa lí	Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên),Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Thu Phương, Phạm Thị Ngọc Quỳnh, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
11A1,3	GDKT-PL	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hồi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
11A2	Tin học	Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Nam Hải, Nguyễn Thị Hiền, Dương Quỳnh Nga, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân, Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
11A1,2	Âm nhạc	Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Giáo dục Việt Nam
11A3	Công nghệ	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải, Khổng Vũ Quảng, Trương Hoành Sơn, Nguyễn Hồng Sơn	Giáo dục Việt Nam
11A3	Mĩ thuật	Mĩ thuật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Giáo dục Việt Nam	
		Lý luận và Lịch sử MT	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương	Giáo dục Việt Nam
		Hội họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thùy Linh	Giáo dục Việt Nam
		Đồ họa (Tranh in)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Trần Văn Đức, Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc	Giáo dục Việt Nam
		Thiết kế thời trang	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang	Giáo dục Việt Nam

Chuyên đề học tập lựa chọn . (Dùng cho các lớp cụ thể dưới đây)

Lớp	Môn	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
11A1,2	Toán	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Phạm Anh Minh	Giáo dục Việt Nam
11A2	Vật lí	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Tưởng Duy Hải, Bùi Trung Ninh, Phạm Văn Vĩnh	Giáo dục Việt Nam
11A1	Hóa học	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	Giáo dục Việt Nam
11A1,2	Sinh học	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thuý, Lê Thị Thủy	Giáo dục Việt Nam
11A3	Ngữ văn	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
11A3	Lịch sử	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Hoàng Hải Hà, Phan Ngọc Huyền	Giáo dục Việt Nam
11A3	Địa lí	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên), Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Thu Phương, Phạm Thị Ngọc Quỳnh, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 12 dùng cho năm học 2025-2026 gồm: ***Môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Toán; Ngữ văn; Tiếng Anh; Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục QP&AN; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; nội dung giáo dục địa phương (Dùng cho học sinh từ lớp 12A1,12A2,12A3)***

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Toán 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam

	Toán 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	
2.	Ngữ văn 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Anh 12 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
4.	Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tung	Giáo dục Việt Nam
5.	Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Giáo dục Việt Nam
6.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
7.	Giáo dục và Quốc phòng an ninh 12	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam

Các môn học lựa chọn gồm: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL), Vật lí, Hóa học, Công nghệ Thiết kế và công nghệ, Tin học, Mĩ thuật, Âm nhạc (Dùng cho các lớp cụ thể dưới đây)

Lớp	**Môn**	**Tên sách**	**Tên tác giả**	**Nhà xuất bản**

12A1	Vật lí	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cương, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
12A1	Hóa học	Hóa học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Đăng Đạt, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	Giáo dục Việt Nam
12A2	Sinh học	Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thuý, Lê Thị Thủy	Giáo dục Việt Nam
12A2, 3	Địa lí	Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên),Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Thu Phương, Phạm Thị Ngọc Quỳnh, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
12A3	GDKT-PL	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hồi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
12A1, 2	Tin học	Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Nam Hải, Nguyễn Thị Hiền, Dương Quỳnh Nga, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân, Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
12A2, 3	Âm nhạc	Âm nhạc 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Giáo dục Việt Nam
12A1, 3	Công nghệ	Công nghệ 12, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải, Khổng Vũ Quảng, Trương Hoành Sơn, Nguyễn Hồng Sơn	Giáo dục Việt Nam

Chuyên đề học tập lựa chọn . (Dùng cho các lớp cụ thể dưới đây)

Lớp	**Môn**	**Tên sách**	**Tên tác giả**	**Nhà xuất bản**
12A1	Toán	Chuyên đề học tập Toán 12	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Nguyễn Thị Kim Sơn	Giáo dục Việt Nam

		(Kết nối tri thức với cuộc sống)		
12A1	Vật lí	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Giáo dục Việt Nam
12A1	Hóa học	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường; Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Đường Khánh Linh	Giáo dục Việt Nam
12A2, 3	Ngữ văn	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	Giáo dục Việt Nam
12A2, 3	Lịch sử	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Phan Ngọc Huyền, Trần Thiện Thanh, Nguyễn Thị Mai Hoa	Giáo dục Việt Nam
12A2, 3	Địa lí	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương	Giáo dục Việt Nam

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá:

TT	TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	Kết quả (Đạt)
I	**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**	**Đạt**
1	Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Mức 1,2
2	Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác	Mức 1,2
3	Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong Nhà trường	Mức 1,2,3
4	Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng	Mức 1,2
5	Tiêu chí 1.5: Lớp học	Mức 1,23
6	Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	Mức 1,2
7	Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	Mức 1,2
8	Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	Mức 1,2
9	Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Mức 1,2
10	Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Mức 1,2

TT	TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	Kết quả (Đạt)
II	**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**	**Đạt**
1	Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Mức 1,2
2	Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	Mức 1,2
3	Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	Mức 1
4	Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	Mức 1,2,3
III	**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**	**Đạt**
1	Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	Mức 1,2
2	Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập	Mức 1,2,3
3	Tiêu chí 3.3: K1hối hành chính - quản trị	Mức 1,2,3
4	Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	Mức 1,2
5	Tiêu chí 3.5: Thiết bị	Mức 1,2,3
6	Tiêu chí 3.6: Thư viện	Mức 1,2
IV	**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**	**Đạt**
1	Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	Mức 1,2,3
2	Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của Nhà trường	Mức 1,2,3
V	**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**	**Đạt**
1	Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Mức 1,2,3
2	Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Mức 1,2,3
3	Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	Mức 1,2
4	Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Mức 1,2
5	Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	Mức 1,2
6	Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	Mức 1,2

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá

Nhà trường đã lập kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá gồm những nội dung chính như sau:

1. Xây dựng kế hoạch cải tiến: Phân công các nhóm chuyên trách các tiêu chuẩn xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, trong đó xác định rõ các hoạt động, nguồn lực cần thiết, và thời gian hoàn thành.

2. Thực hiện và Giám sát: Triển khai các hành động cải tiến theo kế hoạch đã đề ra đồng thời theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch định kỳ để đảm bảo rằng các kế hoạch đề ra đang được tiến hành đúng hướng.

3. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến: Lập báo cáo chi tiết về tiến độ và kết quả của các hành động cải tiến.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

1. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

Năm 2019: Trường THCS&THPT Tả Sìn Thàng được UBND tỉnh Điện Biên công nhận và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/11/2019).

Năm 2024: Trường mất chuẩn.

2. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Nhà trường cần xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng và đạt chuẩn trở lại, trong đó:

- Giải pháp ngắn hạn (1 năm)
- Giải pháp trung hạn (2–3 năm)

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp: Không.

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục: Không.

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng việt

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT): số 03/VBHNBGDĐT ngày 03/5/2019 ban hành Quy chế tuyển sinh Trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh Trung học phổ thông (THPT); số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản số 970/SGDĐT-GDTrH, ngày 10/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc Hướng dẫn tuyển sinh các cấp học năm học 2025-2026. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào 10 ghi rõ: Phương thức tuyển sinh; địa bàn tyển sinh; đối tượng tuyển sinh; nội dung tư vấn; chỉ tiêu tuyển sinh; phân công các tổ tư vấn tuyển sinh; nhiệm vụ của các thành viên trong tổ;...Nhà trường đều thành lập hội đồng tuyển sinh, hội đồng tuyển sinh đều có phân công trách nhiệm cho các thành viên hội đồng.

*** Vào lớp 6 (cấp THCS)**

- Học sinh đã hoàn thiện chương trình cấp Tiểu học trên địa bàn xã Tả Sìn Thàng.

- Tuổi từ 11 đến 14 tuổi tính từ năm sinh 2011 đến 2014 đến năm dự tuyển 2025.

- Số lượng tuyển sinh vào lớp 6: 03 lớp: **150 học sinh** *(Trong đó, 149 HS tại xã Tả Sìn Thàng và 01 HS xã, huyện, tỉnh khác)*

*** Vào lớp 10 (cấp THPT)**

- Học sinh đã hoàn thiện chương trình cấp THCS tại trường THCS thuộc các xã Lao Xả Phình, Sín Chải, Tả Phìn, Tả Sìn Thàng và Huổi Só (gồm: Pê Răng Ky, Hồng Ngài, Huổi Lóng) tốt nghiệp THCS năm 2025.

- Học sinh đã tốt nghiệp THCS và bổ túc THCS những năm học trước.

- Tuổi từ 15 đến 18 tính từ năm sinh 2007 đến 2010 đến năm dự tuyển 2025.

- Số lượng tuyển sinh vào lớp 10 là 03 lớp: **135 học sinh**

- Có đăng ký nguyện vọng dự kiến theo 03 phương án tổ hợp sau:

Tên tổ hợp	Tổ hợp môn lựa chọn	Số lớp dự kiến	Số lượng học sinh tối đa	Cụm chuyên đề học tập	Ghi chú
TH01	- Vật lí - Hóa học - Tin học - GDKT-PL	01	45	Toán Vật lí Hóa học	
TH02	- Hóa học - Sinh học - Địa lý - Tin học	01	45	Toán Ngữ văn Lịch sử	
TH03	- Hóa học - Địa lý - Công nghệ - GDKT-PL	01	45	Ngữ văn Lịch sử Địa lí	

(Lưu ý: Tổ hợp có thể sẽ thay đổi để cho phù hợp hơn sau khi có đăng ký và kết quả tuyển sinh của nhà trường năm học 2025-2026)

*** Đối với tuyển sinh vào lớp 6 (cấp THCS)**

- Theo phương thức: Xét tuyển

*** Đối với tuyển sinh vào lớp 10 (cấp THPT)**

- Theo phương thức: Thi tuyển.

- Địa bàn tuyển sinh của nhà trường gồm học sinh tốt nghiệp THCS ở các xã Tả Sìn Thàng, Sín Chải, Tả Phìn, Lao Xả Phình, Huổi Só gồm các thôn/bản : Pê Răng Ky, Hồng Ngài, Huổi Lóng (Học sinh xã, huyện, tỉnh khác có nhu cầu mà đăng ký nguyện vọng 2 vào trường hoặc đủ các điều kiện theo quy định).

- Nguyện vọng đăng ký của học sinh dự tuyển tại trường: Học sinh được đăng ký 02 nguyện vọng (NV1 vào trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng; NV2 vào trường THPT khác trên địa bàn huyện).

- Xét trúng tuyển theo kết quả thi tuyển và đăng ký tổ hợp của trường dự tuyển lấy từ cao xuống thấp theo kế hoạch thực hiện chương trình GDPT 2018 và phương án tuyển sinh vào lớp 10 của nhà trường đến khi đủ chỉ tiêu.

- Quy định về tỷ lệ % nguyện vọng: tuyển 70% nguyện vọng 1, 30% nguyện vọng 2.

+ Nguyện vọng 1 là những học sinh đăng ký dự tuyển vào trường; nguyện vọng 2 là những học sinh đăng ký dự tuyển vào trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, DTNT tỉnh, PTDTNT THPT các huyện, THPT Thành phố Điện Biên Phủ, THPT Lương Thế Vinh và những học sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào các trường trên cùng địa bàn huyện nhưng không trúng tuyển và có nguyện vọng dự tuyển vào trường.

+ Học sinh đã trúng tuyển nguyện vọng 1 ở trường đăng ký thi tuyển thì sẽ không được rút hồ sơ để xét trúng tuyển nguyện vọng 2 ở các trường thi tuyển khác. Các trường THPT (trừ THPT Chuyên lê Quý Đôn, THPT Thành phố Điện Biên Phủ, THPT Lương Thế Vinh và các trường DTNT) có thể tăng tỉ lệ nguyện vọng 2 khi xét tuyển nếu nguyện vọng 1 không đảm bảo tỷ lệ % nhằm đảm bảo quy mô tuyển sinh của nhà trường.

*** Đối với lớp 10 THPT**

a) Tuyển thẳng

Tuyển thẳng vào trường các đối tượng sau:

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về: văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học kĩ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học.

- Học sinh là người dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

- Học sinh khuyết tật được đánh giá theo Kế hoạch giáo dục cá nhân. d) Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

b) Chế độ ưu tiên

- Cộng 2,0 điểm cho một trong các đối tượng: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp " Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên"; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945

đến ngày khởi nghĩa tháng Tám tới năm 1945; đối tượng là dân tộc Khơ Mú, Sinh Mun, Phù Lá.

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con thương binh mất sức lao động dưới 81%; con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%".

- Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người học là người dân tộc thiểu số; người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tổng số điểm cộng thêm cho các đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên không quá 2,0 điểm.

c) Chế độ khuyến khích

- Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp tỉnh do Sở GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh đối với các cuộc thi có tổ chức ở cấp quốc gia theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 14, Thông tư 30/2024/TTBGDĐT ngày 30/12/2024.

- Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi, bài thi. Trong đó giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm

*** Đối với lớp 6**

- Chế độ ưu tiên và tuyển thẳng tương đồng với quy định ở mục 3.1 nhưng áp dụng với cấp THCS.

+ Hồ sơ xét tuyển vào học lớp 6

- Học bạ Tiểu học (01 bản gốc);

- Giấy khai sinh (bản chính hoặc bản chính phô tô có chứng thực);

- Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học (bản gốc);

- Các giấy tờ ưu tiên khác: Giấy xác nhận là con thương binh; Giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2025 …(nếu có) (nộp 03 bản sao để làm chế độ);

+ Hồ sơ thi tuyển vào học lớp 10

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

- Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

- Giấy xác nhận do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở từ những năm học trước) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.

- Phiếu kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh học theo mô hình trường học mới do Hiệu trưởng trường THCS xác nhận *(Mẫu số 1 - Hướng dẫn số 970/SGDĐT-GDTrH, ngày 10/4/2025 của Sở GD&ĐT);*

- Bản chính học bạ học sinh hoặc bản in học bạ điện tử có xác nhận của cơ sở giáo dục hoặc giấy xác nhận kết quả học tập có giá trị thay thế học bạ.

- Kế hoạch giáo dục cá nhân (đối với học sinh khuyết tật);

- Đơn xin dự thi: Do các nhà trường qui định;

- Hai (02) ảnh cỡ 3cm x 4cm, ảnh đựng trong phong bì, mặt sau ảnh ghi họ tên, ngày tháng năm sinh. 01 ảnh dùng làm thẻ dự thi, 01 ảnh lưu tại trường để kiểm tra khi học sinh trúng tuyển.

Ghi chú: Trường hợp học sinh chưa hoàn thiện học bạ và các giấy tờ trên, có thể dùng Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của Hiệu trưởng trường THCS nơi học sinh đang theo học *(theo Mẫu M20 tại* H*ướng dẫn số 970/SGDĐT-GDTrH, ngày 10/4/2025 của Sở GD&ĐT).* Khi nhập học (nếu trúng tuyển), học sinh hoàn thiện đủ hồ sơ theo hướng dẫn và nộp về trường trúng tuyển, đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã kê khai trên Phiếu đăng ký dự thi

+ Thời gian đăng ký dự xét tuyển vào lớp 6

- Thu hồ sơ dự tuyển: Từ ngày 01/6 đến ngày 20/6/2025.

- Xét tuyển: Ngày 22/6/2025.

- Duyệt tuyển sinh tại Sở GDĐT, thông báo trúng tuyển: Trước ngày 25/6/2025.

+ Thời gian đăng ký dự thi tuyển sinh vào lớp 10

Thời hạn đăng ký: Tính đến 17 giờ 00 phút ngày 16/5/2025 hết hạn đăng ký dự thi *(Phiếu đăng ký dự thi theo Mẫu M20)*

Môn thi, đề thi, hệ số điểm bài thi, thời gian làm bài

Môn thi: Môn Toán, môn Ngữ văn và môn Tiếng Anh.

Nội dung thi:

Nội dung thi theo Công văn số 2791/SGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2024 của Sở GDĐT về thông báo nội dung, cấu trúc đề thi vào 10 THPT năm học 2025-2026 và thi học sinh giỏi cấp trung học, năm học 2024-2025. Nội dung đề thi đảm bảo theo yêu cầu cần đạt thuộc chương trình toàn cấp THCS, chủ yếu chương trình lớp 9.

Hình thức thi: theo Công văn số 2791/SGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2024 của Sở GDĐT về thông báo nội dung, cấu trúc đề thi vào 10 THPT năm học 2025-2026 và thi học sinh giỏi cấp trung học, năm học 2024-2025. Cụ thể:

- Môn Ngữ văn (môn thi chung, môn chuyên): thi theo hình thức tự luận.

- Các môn còn lại (môn thi chung, môn chuyên): thi theo hình thức trắc nghiệm.

Yêu cầu về đề thi: Đề thi đảm bảo chính xác, rõ ràng, phân hoá được trình độ học sinh, phù hợp với thời gian quy định cho từng môn thi; Mỗi môn có đề thi chính thức và đề thi dự bị với mức độ tương đương về yêu cầu nội dung, thời gian làm bài. Mỗi đề thi có hướng dẫn chấm và biểu điểm kèm theo.

Hệ số điểm bài thi: Điểm các bài thi tính hệ số 1.

Thời gian làm bài:

- Môn Toán: 90 phút
- Ngữ văn: 120 phút
- Môn tiếng Anh: 60 phút.

Ngày thi, lịch thi

Ngày thi: Ngày 28/5/2025

Lịch thi: 14h00 ngày 27/5/2025 thí sinh đăng ký dự thi làm thủ tục dự thi tại các phòng thi và 06 giờ 45 phút, ngày 28/5/2025 thi theo lịch thi cụ thể như sau:

Ngày	Buổi	Môn	Thời gian làm bài	Thời gian giao đề	Tính giờ làm bài
28/05/2025	Sáng	Toán	90 phút	7 giờ 25 phút	7 giờ 30
		Tiếng Anh	60 phút	9 giờ 40 phút	9 giờ 45
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	13 giờ 55 phút	14 giờ 00

Địa điểm thu và tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh

- Tại phòng thủ quỹ (Tầng 1 – Nhà A) trường THCS và THPT Sín Chải, tỉnh Điện Biên.

- Điện thoại trực tuyển sinh: **02156.518.518** hoặc di động: **0982.884.381**

+ Đối với xét tuyển trúng tuyển vào lớp 6 cấp THCS

- Theo hướng dẫn của tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2025-2026 của Phòng GD&ĐT huyện Tủa Chùa và các quy định khác hiện hành.

+ Đối với xét trúng tuyển thi vào lớp 10 cấp THPT

Quy định về điểm xét trúng tuyển: Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi: Ngữ Văn + Toán + tiếng Anh + điểm ưu tiên + điểm khuyến khích. Không có bài thi nào bị điểm không (0).

Quy định về trúng tuyển: Căn cứ điểm thi, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì xét chọn theo thứ tự sau: thí sinh có xếp loại kết quả học tập năm lớp 9 cao hơn; thí sinh có điểm trung bình cả năm của lớp 9 cao hơn; thí sinh có điểm trung bình cả năm môn Ngữ văn lớp 9 cao hơn; thí sinh có điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 9 cao hơn.

Quy trình xét trúng tuyển: Hội đồng tuyển sinh các trường nhận kết quả thi tại Sở GDĐT; lập danh sách học sinh trúng tuyển theo Quy chế thi tuyển sinh (cộng điểm ưu tiên nếu có) và trình Sở GDĐT phê duyệt. Thành phần duyệt tuyển sinh: Hiệu trưởng và cán bộ tuyển sinh của các đơn vị.

Thời gian duyệt và thông báo kết quả trúng tuyển:

- Đợt 1 thông báo kết quả trúng tuyển nguyện vọng 1: Trước ngày 18/6/2025.
- Đợt 2 thông báo kết quả trúng tuyển nguyện vọng 2: Trước ngày 25/6/2025.

Tuyển sinh bổ sung:

Những học sinh đã tham gia thi tuyển nhưng chưa trúng tuyển và đã đăng ký nguyện vọng dự tuyển vào trường, đảm bảo Quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT.

- Hình thức:

Nhà trường xây dựng phương án tuyển bổ sung trình Sở GDĐT xem xét phê duyệt, thực hiện theo Quy định tại Điều 9 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT. Sau khi kết thúc tuyển sinh các nguyện vọng, các đơn vị căn cứ số học sinh trúng tuyển/số chỉ tiêu được giao để xây dựng phương án tuyển bổ sung trình Sở GDĐT xem xét phê duyệt.

- Nhà trường thông báo công khai kế hoạch, điều kiện tuyển sinh bổ sung đến học sinh và nhân dân trên địa chỉ website: *thpttasinthang.dienbien.edu.vn* và gửi văn bản đến UBND các xã, niêm yết tại bảng tin nhà trường. Hội đồng tuyển sinh của nhà trường thu nhận đăng kí xét tuyển bổ sung của học sinh, kiểm tra tính hợp lệ, chính xác; tổ chức xét tuyển bổ sung trình Sở GD&ĐT phê duyệt kết quả trúng tuyển; thông báo kết quả đến học sinh.

- Thời gian xét bổ sung: trước ngày 20/8/2025.

1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục số 361/KH-THCS&THPTTST ngày 14/9/2025 của trường THCS&THPT Sín Chải về "Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026", kế hoạch đã được đăng tải trên website.

1.3. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

Nhà trường đã phối hợp với PHHS và các tổ chức xã hội khác xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục học sinh, Quy chế phối hợp công tác gữa Ban Giám hiệu với BĐDCMHS trường THCS&THPT Sín Chải và giữa GVCN lớp với BĐDCMHS các lớp, kế hoạch đã được triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục.

Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã chỉ đạo Đoàn thanh niên hoàn thành chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh theo từng chủ đề, chủ điểm của tháng, quý.

1.5. Thực đơn hằng ngày của học sinh

Nhà trường xây dựng thực đơn cụ thể, rõ ràng và được công khai tới giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh được biết, chi tiết tại Quyết định số 335/QĐ-THCS&THPTSC ngày 02/9/2025 của trường THCS&THPT Sín Chải về việc kiện

toàn Ban quản trị đời sống năm học 2025-2026.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh: 259 học sinh
- Tổng số học sinh theo từng khối

TT	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	HS/ lớp
1.	Khối 6	3	127	42,3
2.	Khối 7	2	86	43
3.	Khối 8	2	86	43
4.	Khối 9	2	62	31
5.	Khối 10	3	132	44
6.	Khối 11	3	122	40,6
7.	Khối 12	2	93	46,5
Tổng cộng:		**17**	**708**	**41,6**

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 708
- Số lượng học sinh nữ/học sinh nam: 269/439
- Số học sinh là người dân tộc thiểu số: 699
- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: 0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

* Kết quả rèn luyện:

KHỐI	TS HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	*TL%*	SL	*TL%*	SL	*TL%*	SL	*TL%*
6	**127**	114	*90*	11	*9,0*	2	*2,0*	0	*0,0*
7	**86**	75	*87*	10	*12,0*	1	*1,2*	0	*0,0*
8	**86**	73	*85*	9	*10,0*	1	*1,2*	3	*3,5*
9	**62**	42	*68*	17	*27,0*	3	*5,0*	0	*0,0*
10	**132**	106	*80,3*	20	*15,2*	2	*1,5*	4	*3,0*
11	**122**	84	*68,9*	27	*22,1*	6	*4,9*	5	*4,1*

12	**93**	83	*89,2*	7	*7,5*	3	*3,2*	0	*0,0*
Toàn Trường	**708**	577	*81,5*	101	*14,3*	18	*2,5*	12	*1,7*

* Kết quả học tập

KHỐI	**TS HS**	**Tốt**		**Khá**		**Đạt**		**Chưa đạt**	
		SL	*TL%*	SL	*TL%*	SL	*TL%*	SL	*TL%*
6	**127**	4	*3,0*	28	*22*	94	*74*	1	*0,8*
7	**86**	6	*7,0*	34	*39,5*	46	*53,4*	0	*0,0*
8	**86**	6	*7,0*	26	*30*	49	*56,9*	5	*6,0*
9	**62**	7	*11,0*	21	*34*	34	*55*	0	*0,0*
10	**132**	1	*0,8*	29	*21,9*	98	*74,2*	4	*3,0*
11	**122**	1	*1,2*	32	*38,1*	88	*72,1*	1	*1,2*
12	**93**	2	*2,2*	36	*38,7*	55	*59,1*	0	*0,0*
Toàn Trường	**708**	27	*3,8*	206	*29*	464	*65,5*	11	*1,6*

- Học sinh được lên lớp thẳng: 697 học sinh
- Học sinh đủ điều kiện xét tốt nghiệp 9: 62 học sinh
- Học sinh đủ điều kiện thi tốt nghiệp 12: 93 học sinh
- Học sinh lưu ban: 08 học sinh
- Học sinh thi lại: 11 học sinh.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THCS: 62 học sinh.
- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THPT: 93 học sinh.
- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THCS: 62 học sinh.
- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THPT: 93 học sinh.
- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông: Chưa có.

- Số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông: 04 học sinh.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: Không

Số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của trường THCS&THPT Sín Chải./.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT (Phòng QLCL);
- Đăng Website;
- CB, GV, NV, NLĐ;
- Lưu: HSCV. Gmail, VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG SÍN CHẢI

Hoàng Thị Dung